

Thông Tin An Toàn Về Sản Phẩm**PLA046 INTERTHANE 987 PART B****Số bản dịch 1 Số bản hiệu chỉnh 09/01/16****1. Chi tiết về sản phẩm và công ty****1.1. Tên Sản Phẩm**

INTERTHANE 987 PART B

Mã sản phẩm

PLA046

1.2 Cách dùng đồng nhất có liên quan của các chất hoặc hỗn hợp và cách dùng ngược lại

Mục đích sử dụng

Xem Bản Thông Báo Kỹ Thuật

Chỉ dành cho sử dụng chuyên nghiệp.

Phương pháp sơn

Xem Bản Thông Báo Kỹ Thuật

Thông tin chi tiết của các nhà cung cấp về các bảng thông tin an toàn**Nhà sản xuất**Chi Nhánh Tại TP.Hồ Chí Minh của CTY TNHH
Akzo Nobel CoatingPhòng 1705-1706, Lầu 17, Tòa nhà Flemington
Tower,182 Lê Đại Hành, Phường 15, Quận 11, TP.HCM
SR Vietnam**Số ĐT**

+ 84 8 3962 9666

Số fax

+ 84 8 3962 9777

Số điện thoại khẩn

+ 84 8 3962 9666

Số ĐT liên hệ khi bị nhiễm độc

Để có lời khuyên đến bác sỹ và bệnh viện

2.Nhận biết nguy hại của sản phẩm**2.1. Phân loại các chất hoặc hỗn hợp**

Flam. Liq. 3;H226

Chất lỏng và hơi dễ cháy

Skin Irrit. 3;H316

Gây kích ứng da nhẹ.

Aquatic Acute 3;H402

Có hại đối với động thực vật dưới nước.

Aquatic Chronic 2;H411

Độc đối với động thực vật dưới nước với những ảnh hưởng lâu dài.

2.2 Các yếu tố trên nhãn

Sử dụng những dữ liệu về độc tố được liệt kê trong phần 11 & 12 , sản phẩm phải được dán nhãn như sau

**Cảnh báo**

H226 Hơi nước và chất lỏng dễ cháy

H316 Gây kích ứng da nhẹ.

H402 Có hại đối với động thực vật dưới nước.

H411 Độc đối với động thực vật dưới nước với những ảnh hưởng lâu dài.

[Ngăn chặn]:

P210 Tránh khỏi các nguồn nhiệt/phát sáng/ ngọn lửa trần/bề mặt nóng. Không hút thuốc

P260 Không hít thở hơi sơn

P262 Không bôi vào mắt, trên da, hoặc trên quần áo.

P273 Tránh thải ra môi trường.

P280 Mang găng tay bảo vệ / bảo vệ mắt / bảo vệ mặt.

[Phản ứng]:

P301+310 Nếu nuốt phải : Gọi ngay trung tâm chống độc hoặc bác sỹ

P303+361+353 Nếu trên da (hoặc tóc) : Hủy bỏ / Cởi ngay lập tức tất cả các quần áo dính hóa chất. Rửa sạch da bằng nước / vòi sen.

P331 Không cố nôn

P332+313 Nếu da bị kích ứng: Tìm tư vấn/chăm sóc y tế

P370 Trong trường hợp cháy

P391 Thu gom rò rỉ

[Lưu trữ]:

P403+233 Lưu trữ ở một nơi thông gió tốt. Giữ bình chứa đóng kín.

[Xử lý]:

P501 Thải bỏ các chất/ vật liệu chứa theo quy định của luật pháp quốc gia

2.3. Các nguy hiểm khác

Sản phẩm này không chứa PBT/vPvB

3. Thành phần/thông tin về thành phần

Sản phẩm này chứa những vật chất sau có thể gây hại.

Thành phần /Tên hóa học	% trọng lượng	Phân loại GHS	Ghi chú
Naphta dung môi (dầu mỏ), thơm nhẹ Số CAS: 0064742-95-6	10- <25	Flam. Liq. 3;H226 Asp. Tox. 1;H304 STOT SE 3;H335 STOT SE 3;H336 Aquatic Chronic 2;H411	[1]
1,2,4-trimetylbenzen Số CAS: 0000095-63-6	2.5- <10	Flam. Liq. 3;H226 Acute Tox. 4;H332 Eye Irrit. 2;H319 STOT SE 3;H335 Skin Irrit. 2;H315 Aquatic Chronic 2;H411	[1][2]
1,3,5-trimetylbenzen Số CAS: 0000108-67-8	1- <2.5	Flam. Liq. 3;H226 STOT SE 3;H335 Aquatic Chronic 2;H411	[1]
1,6-Hexametylenđiisoxyanat Số CAS: 0000822-06-0	<1	Acute Tox. 3;H331 Eye Irrit. 2;H319 STOT SE 3;H335 Skin Irrit. 2;H315 Resp. Sens. 1;H334 Skin Sens. 1;H317	[1][2]

[1] Chất được phân loại theo mối nguy hiểm về sức khỏe hoặc nguy hiểm về môi trường. [2] Chất với giới hạn phơi nhiễm nơi làm việc. [3] Chất PBT hoặc chất vPvB. Nguyên văn của các cụm từ sẽ được thể hiện trong phần 16.

4. Biện pháp sơ cứu đầu tiên

4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu

Thông tin chung

Trong tất cả trường hợp nghi ngờ, hay xuất hiện những triệu chứng, phải tìm nhân viên y tế để chăm sóc.

Không bao giờ cho bất cứ cái gì vào mồm người đang bất tỉnh.

Hít phải

Đưa ra nơi có không khí trong lành, giữ cho người bệnh ấm và để họ nghỉ ngơi. Đôi khi người bệnh thở không đều hay ngừng thở thì phải cho thở bằng máy thở nhân tạo. Nếu bất tỉnh thì phải được đưa vào một nơi để hồi phục và tìm ngay nhân viên y tế để chăm sóc. Không được cho gì vào mồm bệnh nhân.

Tiếp xúc với da

Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn. Rửa da kỹ bằng xà phòng và nước hay sử dụng chất rửa da được khuyến dùng. Không sử dụng dung môi hay chất pha sơn.

Tiếp xúc với mắt

Rửa bằng nước ngọt, sạch ít nhất trong 10 phút, giữ cho mí mắt không nhắm và tìm nhân viên y tế để chăm sóc.

Nuốt phải

Nếu vô tình nuốt phải vật liệu, tìm nhân viên y tế để chăm sóc ngay. Để người bệnh nghỉ ngơi. Không bắt người bệnh nôn.

4.2 Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng, cả cấp tính lẫn chậm

Không có dữ liệu

4.3 Chỉ ra các chăm sóc y tế ngay tức thời và các biện pháp chữa trị đặc biệt cần thiết

Không có dữ liệu

5. Biện pháp chống cháy

5.1. Phương tiện chữa cháy

Phương tiện dập cháy đề xuất; bột chịu cồn, CO₂, bột, phun nước.

Không sử dụng -tia nước áp lực mạnh.

Lưu ý; Cháy sẽ sinh ra khói đen dày đặc. Các sản phẩm bị phân hủy có thể rất nguy hại đối với sức khỏe. Tránh phơi nhiễm và sử dụng thiết bị thở phù hợp.

Phun nước làm lạnh thùng chứa hàng đang bị cháy. Không để nước và các tạp chất sinh ra trong quá trình chữa cháy chảy vào cống thoát nước hay sông, suối, kênh, lạch nhân tạo.

5.2 Các mối nguy hiểm đặc biệt xảy ra từ một chất hoặc hỗn hợp

Cháy sẽ sinh ra khói đen dày đặc. Các sản phẩm bị phân hủy có thể sinh ra các chất như: CO, CO₂, khói, NO. Tránh phơi nhiễm và sử dụng thiết bị thở phù hợp

5.3. Lời khuyên dành cho nhân viên cứu hỏa

Phun nước làm lạnh thùng chứa hàng đang bị cháy. Không để nước và các tạp chất sinh ra trong quá trình chữa cháy chảy vào cống thoát nước hay sông, suối hoặc các nguồn nước

6. Biện pháp làm giảm tai nạn

6.1. Sự phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Loại bỏ mọi nguồn đánh lửa, không bật, tắt đèn hay bật và tắt các thiết bị điện không được bảo vệ. Trong trường hợp bị tràn hay đổ lớn hoá chất trong không gian chật hẹp, sơ tán khỏi nơi đó ngay và kiểm tra xem mức độ hơi dung môi có thấp hơn Giới Hạn Nổ Dưới không trước khi quay lại khu vực đó.

6.2. Các biện pháp phòng ngừa về mặt môi trường

Không được đổ hóa chất tràn đổ vào cống hoặc nguồn nước

6.3. Các phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Làm thông thoáng không khí và tránh hít phải hơi dung môi. Tiến hành các biện pháp bảo hộ cá nhân như đã liệt kê trong Phần 8. Chứa và thẩm hóa chất tràn văng vật liệu không bắt lửa như: cát, đất, vermiculite. Bỏ vật liệu đó trong thùng đầy nắp lỏng để tránh sự hình thành khí gas (isoxyanat sẽ phản ứng lại với không khí để sinh ra CO₂).

Toàn bộ diện tích bị nhiễm bẩn phải được tẩy sạch ngay bằng một chất tẩy rửa phù hợp. Khi chất tẩy rửa (có thể bắt lửa) này chứa (theo thể tích: nước (45 phần), ethalnal hay isopropyl alcohol (50 phần) và dung dịch amoniac (d:0,880) đậm đặc (5 phần) thì dùng chất tẩy rửa không bắt lửa gồm natri cacbonat (5 phần), nước (95 phần). Sử dụng đúng chất tẩy này với bất kỳ chất thải nào và để chất thải này trong thùng đầy nắp lỏng độ vài ngày cho đến khi không có phải ứng nào tồn tại. Tới lúc này, đóng chặt thùng và vứt bỏ phù hợp theo qui định về chất thải của địa phương.

Không để cho hoá chất tràn vào cống thoát nước hay sông, suối, kênh lạch nhân tạo. Nếu đất và nước bị ô nhiễm dưới bất cứ hình thức nào phải báo ngay cho phòng bảo vệ môi trường địa phương biết.

7. Vận chuyển và bảo quản

7.1. Biện pháp phòng ngừa để chuyên chở và đóng gói an toàn

Tiếp xúc

Người có tiền sử bệnh hen, dị ứng hay bệnh kinh niên về đường hô hấp chỉ có thể được làm việc khi sản phẩm này được sử dụng có sự giám sát y tế phù hợp.

Lưu trữ

Vận chuyển thùng sơn cẩn thận để tránh hư hỏng và rò rỉ.

Cẩn thận để hạn chế tối đa phơi nhiễm ra độ ẩm không khí hay nước vì cacbon đioxit có thể hình thành mà trong những thùng sơn đóng chặt có thể sinh ra tăng áp suất. Cẩn thận khi mở lại những thùng sơn đã sử dụng một phần.

Không được hút thuốc hay để ánh lửa trần trong nơi bảo quản hàng. Xe tải cần cầu và thiết bị điện phải được bảo vệ theo tiêu chuẩn phù hợp.

Sơn này có chứa dung môi. Hơi dung môi nặng hơn không khí và có thể bay trải khắp sàn nhà. Hơi dung môi có thể hình thành một hỗn hợp gây nổ cùng với không khí. Nơi để bảo quản, pha chế và sử dụng sản phẩm sơn phải được làm thông thoáng nhằm tránh hình thành sự tập trung hơi dung môi nổ dễ cháy trong không khí và tránh để hơi dung môi tập trung cao hơn giới hạn phơi nhiễm do nghề nghiệp.

Điều kiện về lưu trữ an toàn, bao gồm sự không tương hợp

Để xa các chất oxy hóa, các alkaline mạnh và các nguyên liệu acid mạnh

Tránh để da và mắt tiếp xúc. Tránh hít phải hơi dung môi và bụi phun. Xem lưu ý thận trọng ghi trên nhãn báo. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân được đề cập trong Phần 8.

Không được hút thuốc, ăn và uống tại nơi pha chế và nơi sơn.

Không bao giờ được sử dụng áp lực để đổ sơn ra khỏi thùng; các thùng sơn không phải là thùng chịu áp lực.

Không có thông tin về sự phơi nhiễm, xem chi tiết trong phần 1

7.3. Mục đích sử dụng cụ thể

Bảo quản tại nơi khô ráo, có hệ thống thông gió tốt, tránh các nguồn nóng và ánh nắng trực tiếp.

Bảo quản trên nền bê tông hay nền không thấm khác, tốt nhất là có đai ở dưới để hứng trong trường hợp bị rò rỉ. Không được chôn cao quá 3 pa-lét.

Giữ cho thùng sơn đóng chặt. Thùng sơn đã mở phải được gắn lại cẩn thận và giữ để thẳng đứng để tránh rò rỉ. Bảo quản thùng nguyên hay thùng có cùng một vật liệu.

Ngăn không được vào lối không cho phép.

Mọi nguồn lửa (bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần...) phải loại khỏi nơi pha chế và nơi sơn. Tất cả thiết bị điện (kể cả đèn pin) phải được bảo vệ theo tiêu chuẩn phù hợp.

Sản phẩm có thể tích điện. Luôn phải sử dụng chì nối đất khi đổ dung môi và chuyển sản phẩm. Người làm phải mặc quần áo không phát điện (ít nhất là 60% sợi tự nhiên) và mang giày chống tĩnh điện; sàn nhà cũng phải là loại có khả năng dẫn nhiệt, điện.

8. Kiểm soát phơi nhiễm và bảo hộ cá nhân

8.1. Kiểm soát các thông số

Những thông tin cung cấp phù hợp với những tiêu chuẩn ACGIH. Người sử dụng nên kiểm tra xem số liệu có hiện hành hay không.

Vật liệu	Ngắn hạn (trung bình 15 phút)		Lâu dài (trung bình thời gian là 8 giờ)		Chú thích không được phân loại
	ppm	mg/m ³	ppm	mg/m ³	
1,6-Hexametylendiisoxyanat	200	0.07	0.005	0.034	không được phân loại

(P) Giới hạn phơi nhiễm tối đỉnh

(R) Giới hạn Chỉ định của Nhà Sản Xuất

(Sk) Có rủi ro khi thấm qua da còn nguyên vẹn

(Sen) Mẫn cảm

(Loại 1) Loại 1 - chất chắc chắn gây ung thư cho người

(Loại 2) Loại 2 - chất có thể gây ung thư cho người

(Loại 3) Loại 3 - vật chất nghi ngờ có tiềm năng gây ung thư.

Giá trị DNEL/PNEC

Không có dữ liệu

8.2. Kiểm soát phơi nhiễm

Bảo đảm thông gió đầy đủ. Ở nơi nào thực tế phù hợp, việc thông gió có thể thực hiện bằng cách sử dụng hệ thống thông gió của địa phương và hệ thống thông gió trung tâm. Nếu gió không đủ để duy trì sự tập trung vật chất và hơi dung môi dưới giới hạn tiếp xúc do nghề nghiệp thì phải mang thiết bị thở thích hợp.

Phun những sản phẩm có chứa isoxyanat chỉ được tiến hành ở nơi phun phù hợp hay khu riêng biệt có trang bị hệ thống thông gió hiệu quả nhằm tránh bụi phun thoát ra khu vực làm việc xung quanh nơi phun. Phải mang thiết bị bảo vệ thở có ống dẫn khí khi tiến hành phun ở những nơi kín thậm trí ở đó đã lắp hệ thống thông gió.

Bảo vệ mắt

Đeo kính bảo vệ mắt để tránh các tia chất lỏng. Bảo vệ mắt phải phù hợp theo tiêu chuẩn hiện hành.

Mang tấm chắn che toàn bộ mặt nếu việc pha trộn hay rót đổ sản phẩm có nguy cơ bị bắn, tràn.

Một nơi làm việc tốt nên có một trạm làm vệ sinh mắt.

Bảo vệ da

Phải mang găng tay có chất liệu phù hợp trong quá trình pha trộn và sơn.

Khác

Nên mặc áo choàng che kín người, cánh tay và chân. Da không được để phơi nhiễm. Kem bôi có thể giúp để bảo vệ những nơi khó che như mặt và cổ. Tuy nhiên không nên bôi kem một khi đã bị phơi nhiễm. Không nên sử dụng loại kem có gốc gel dầu mỡ như vasolin. Tất cả các bộ phận cơ thể người đều phải được rửa sạch sau khi tiếp xúc.

Bảo vệ thở

Khi lượng dung môi tập trung vượt quá giới hạn phơi nhiễm được chỉ ở trên, công nhân phải mang những thiết bị thở được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn hiện hành. Những thiết bị khác như thiết bị thông gió phải được cân nhắc nếu thực tế thấy cần.

Phải mang thiết bị thở có ống dẫn khí khi thi công sản phẩm này trong không gian kín. Thậm trí ở những nơi thoáng cũng nên mang thiết bị này khi phun

Nếu thi công bằng chổi hay con lăn ở những nơi thoáng, có hệ thống thông gió tốt thì nên đeo mặt nạ có ống lọc than để thay thế thiết bị thở có ống dẫn khí.

Các mối nguy hiểm về nhiệt

Không có dữ liệu

9. Các đặc tính lý hóa

Màu sắc	Không màu sắc Lỏng
Mùi	Mùi dung môi
Ngưỡng mùi	Không giới hạn
pH	Không áp dụng
Điểm nóng chảy/ điểm đóng băng (°C)	Không giới hạn
Điểm sôi và phạm vi sôi ban đầu (°C)	165
Điểm cháy C	49
Tỉ lệ bay hơi (Ether = 1)	Không giới hạn
Dễ cháy (rắn, khí)	không áp dụng
Giới hạn cháy hoặc nổ trên/dưới	Giới hạn nổ dưới: Không có dữ liệu Giới hạn nổ trên: 7 (Naphta dung môi (dầu mỡ), thơm nhẹ)
Áp suất hơi (Pa)	Không giới hạn
Tỷ trọng hơi	Nặng hơn không khí
Tỷ trọng riêng	1.07
Khả năng hòa tan trong nước	Không thể hoà trộn
Hệ số phân bố n-octanol với nước	Không giới hạn
Nhiệt độ bốc cháy	Không giới hạn
Nhiệt độ phân hủy	Không giới hạn
Độ sệt	Không áp dụng

9.2. Thông tin khác

Không có thông tin thêm

10. Sự ổn định và phản ứng

10.1. Sự phản ứng

Không có dữ liệu

10.2 Ổn định hóa học

Sự ổn định hóa chất

Ổn định dưới điều kiện vận chuyển và bảo quản chỉ định (xem Phần 7).

Các điều kiện để tránh

Tránh xa các tác nhân ô-xy hóa, các vật liệu a-xít và kiềm mạnh nhằm tránh các phản ứng phát nhiệt

Các vật liệu không tương hợp

Các a-xít, bazơ mạnh, các tác nhân ô-xy hóa.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại

Khi bị phơi ra nhiệt độ cao có thể sinh ra các sản phẩm phân hủy nguy hại như cacbon monoxit, cacbon dioxit, oxit của nitơ và khói.

Các phản ứng nguy hại

Các sản phẩm phản ứng chậm với nước dẫn đến việc hình thành cacbon dioxit. Trong những thùng kín, áp suất hình thành có thể làm thùng biến dạng, thổi bay nắp hay trong một số trường hợp nguy hiểm nổ tung thùng.

10.3. Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hại

Có thể phản ứng tỏa nhiệt với các chất oxy hóa, chất kiềm mạnh, chất axit mạnh

10.4. Điều kiện cần tránh

Ổn định trong điều kiện vận chuyển và bảo quản chỉ định (xem Phần 7)

10.5. Những vật liệu không tương thích

Đề xa các chất oxy hóa, các alkaline mạnh và các nguyên liệu acid mạnh

10.6. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Cháy sẽ sinh ra khói đen dày đặc. Các sản phẩm bị phân hủy có thể sinh ra các chất như: CO, CO₂, khói, NO. Tránh phơi nhiễm và sử dụng thiết bị thở phù hợp

11. Thông tin về độc tố

Độ độc cấp tính

Phơi nhiễm với tập trung hỗn hợp hơi dung môi từ những dung môi thành phần vượt quá giới hạn phơi nhiễm do nghề nghiệp đã đề cập có thể gây tác động có hại đến sức khỏe như viêm mũi và gây khó chịu đối với hệ hô hấp và những tác động có hại khác đối với thận, gan và hệ thần kinh trung ương. Các triệu chứng bao gồm đau đầu, buồn nôn, chóng mặt, mệt mỏi, cơ bắp yếu, uể oải và trong những trường hợp nặng gây ra mất ý thức.

Tiếp xúc liên tục hay kéo dài với hợp chất này có thể làm cho da mất đi chất nhờn, gây khô và khó chịu da và có thể sinh ra bệnh viêm da không phải do dị ứng. Dung môi có thể thấm qua da. Chất lỏng bắn vào mắt có thể gây khó chịu và đau mắt với tổn thương có hại có thể xảy ra.

Dựa trên đặc tính thành phần isoxyanat của sản phẩm này, phơi nhiễm bộ máy hô hấp có thể làm nó khó chịu hay mẫn cảm gây ra những triệu chứng hen, thở khô khè hay tức ngực. Những người mẫn cảm sau này có thể có những triệu chứng hen khi bị phơi nhiễm với nồng độ isoxyanat trong không khí dưới giới hạn phơi nhiễm do nghề nghiệp. Phơi nhiễm liên tục có thể dẫn đến mất khả năng hô hấp. Người có bệnh kinh niên hay bệnh về đường hô hấp không được thuê làm việc trong môi trường có sử dụng sản phẩm này.

Hợp chất này đã được đánh giá thông qua việc sử dụng dữ liệu về độ độc cấp tính được liệt kê bên dưới và được phân loại theo mức độ độc tố nguy hại. Xem chi tiết ở mục 2

Thành phần	Đường miệng LD50, mg/kg	Qua da LD50, mg/kg	Hít phải/ Hơi, mg/L/4 giờ	Hít phải/ Bụi/Sương LD50, mg/L/4 giờ
1,2,4-trimetylbenzen - (95-63-6)	3,400.00, Chuột	3,160.00, Thỏ	18.00, Chuột	không áp dụng
1,3,5-trimetylbenzen - (108-67-8)	không áp dụng	không áp dụng	24.00, Chuột	không áp dụng
1,6-Hexametylenđiisoxyanat -	không áp dụng	không áp	không áp	không áp dụng

(822-06-0)		dùng	dùng	
Naphta dung môi (dầu mỡ), thơm nhẹ - (64742-95-6)	6,800.00, Chuột	3,400.00, Thỏ	không áp dụng	không áp dụng

Mục	Loại	Nguy hại
Tính độc nghiêm trọng (qua miệng)	không được phân loại	không áp dụng
Tính độc nghiêm trọng (da)	không được phân loại	không áp dụng
Tính độc nghiêm trọng (hít phải)	không được phân loại	không áp dụng
Ăn mòn/ngứa da	3	Gây kích ứng da nhẹ.
Tổn thương/ngứa mắt	không được phân loại	không áp dụng
Nhạy cảm (hệ hô hấp)	không được phân loại	không áp dụng
Nhạy cảm (da)	không được phân loại	không áp dụng
Tính độc với bào thai	không được phân loại	không áp dụng
Khả năng gây ung thư.	không được phân loại	không áp dụng
Tính độc với hệ sinh sản	không được phân loại	không áp dụng
Tính độc ngấm vào cơ quan chủ đạo cụ thể (phơi nhiễm một lần)	không được phân loại	không áp dụng
Tính độc ngấm vào cơ quan chủ đạo cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)	không được phân loại	không áp dụng
Nguy hại tới hệ hô hấp	không được phân loại	không áp dụng

12. Thông tin về sinh thái.

12.1. Độc tính

Chất pha chế đã được đánh giá theo phương pháp quy ước của Định hướng về các chất pha chế nguy hiểm 1999/45/EC và không được phân loại là chất gây nguy hiểm cho môi trường nhưng chứa các chất gây nguy hiểm cho môi trường. Xem phần 3 để biết thêm chi tiết

Không có số liệu sẵn về sản phẩm.

Sản phẩm không được chảy ra cống thoát nước hay sông, suối, kênh, lạch nhân tạo.

Độc học môi trường nước

Thành phần	96 giờ LC50 cá, mg/l	48 giờ EC50 động vật giáp xác, mg/l	Er50 tảo, mg/l
Naphta dung môi (dầu mỡ), thơm nhẹ - (64742-95-6)	9.22, <i>Oncorhynchus mykiss</i>	6.14, <i>Daphnia magna</i>	19.00 (72 hr), <i>Selenastrum capricornutum</i>
1,2,4-trimetylbenzen - (95-63-6)	7.72, <i>Pimephales promelas</i>	3.60, <i>Daphnia magna</i>	không áp dụng
1,3,5-trimetylbenzen - (108-67-8)	12.52, <i>Carassius auratus</i>	6.00, <i>Daphnia magna</i>	25.00 (48 hr), <i>Scenedesmus</i>

			subspicatus
1,6-Hexametylendiisoxyanat - (822-06-0)	82.80, Danio rerio	89.10, Daphnia magna	77.40 (72 hr), Desmodesmus subspicatus

12.2. Duy trì và hủy hoại

Không có sẵn dữ liệu trong việc chuẩn bị

12.3. Tích lũy sinh học tiềm tàng

Không giới hạn

12.4. Sự biến đổi trong đất

Không có dữ liệu

12.5. Những kết quả đánh giá của PBT và vPvB

Sản phẩm này không chứa PBT/vPvB

12.6 Các ảnh hưởng bất lợi khác

Không có dữ liệu

13. Xem xét khi vứt bỏ

13.1 Phương pháp xử lý rác

Không để cho hóa chất tràn vào cống thoát nước hay sông, suối, kênh, lạch nhân tạo. Chất thải và các thùng hết sơn phải được tiêu hủy theo qui định của từng địa phương.

Sử dụng các thông tin trong bản thông báo này cần có lời khuyên của Chính Quyền Địa Phương (về các qui định chất thải) để xem các qui định về chất thải được áp dụng như thế nào.

14. Thông tin về vận chuyển

không được
phân loại

14.1. Số UN 1263

14.2 Tên vận chuyển theo UN Sơn

14.3 Phân loại nhóm nguy hiểm về vận chuyển

Vận tải đường bộ và đường sắt. 1263, Sơn, 3, III, 3[Y]

IMDG Loại/Bộ phận 3 Loại phụ

không được phân loại **Nhãn EMS** F-E,S-E

ICAO/IATA Loại 3 Loại phụ

14.4. Nhóm đóng gói III

14.5 Các mối nguy hiểm về môi trường

không được
phân loại

Vận tải đường bộ và đường sắt. Nguy hiểm về môi trường: Có

IMDG Ô nhiễm hàng hải: Có (Solvent naphtha (petroleum), light aromatic)

14,6 Những phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

Không có thông tin thêm

14.7 Vận chuyển với số lượng lớn tuân thủ theo phụ lục II của MARPOL73/78 và IBC code

Không áp dụng

15. Thông tin điều chỉnh

Sản phẩm phù hợp với những qui định của địa phương.

16. Thông tin khác

Thông tin trong bản an toàn sản phẩm này được dựa trên kiến thức hiện tại của chúng tôi và đồng thời dựa trên các tiêu chuẩn hiện hành.

Sản phẩm không được sử dụng cho những mục đích khác như đã đề ra trong bản thông báo sản phẩm trừ khi có được ý kiến bằng văn bản trách nhiệm của người sử dụng là phải tiến hành từng bước cần thiết để đáp ứng mọi yêu cầu về qui định hiện hành.

ý nghĩa đầy đủ của cụm được thể hiện trong phần 3 là:

H226 Hơi nước và chất lỏng dễ cháy

H304 Được biết gây độc hại tới hệ hô hấp của con người.

H315 Gây ngứa da.

H319 Gây ngứa mắt nghiêm trọng.

H332 Có hại nếu hít phải.

H335 Có thể gây dị ứng về đường hô hấp.

H336 Hơi dung môi có thể gây ra uể oải và chóng mặt.

H411 Độc đối với động thực vật dưới nước với những ảnh hưởng lâu dài.

This SDS is valid for 5 years from the revised date on page 1.

The revision date is in American format (e.g. MM/DD/YY).

Kết thúc tài liệu



Mọi thông tin liên quan đến sản phẩm và/hoặc các đề nghị cho việc lưu trữ và sử dụng sản phẩm nêu trong tài liệu này được cung cấp với thiện ý và từ những nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên, Akzo Nobel không chịu trách nhiệm cho tính chính xác và/hoặc đầy đủ của các thông tin này.